

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NINH HÒA
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020 /HNGĐ-ST

Ngày 06/5/2020

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Quỳnh Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hoa

Ông Nguyễn Lon

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Vũ Kim Kúc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 457/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2020, thông báo thay đổi ngày xét xử số 164/2020/TB-TA ngày 17 tháng 3 năm 2020, thông báo thay đổi ngày xét xử số 196/2020/TB-TA ngày 03 tháng 4 năm 2020, thông báo ngày xét xử số 215/2020/TB-TA ngày 23 tháng 4 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Võ Thị Ngọc S**, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn TD 2, xã N1, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Có mặt.

- Bị đơn: Ông **Lưu Ngọc B**, sinh năm 1982

Địa chỉ: Tổ dân phố HT 2, phường N1, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Vắng mặt và có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc S trình bày: Bà và ông Lưu Ngọc B tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N1, thị xã N năm 2014. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Ông B còn có tính rượu chè bê tha, không chung thủy, không quan tâm đến vợ con, thậm chí còn gây sự đánh đập vũ phu, từ đó làm cho tình

cảm vợ chồng bị rạn nứt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Bà và ông B đã không còn chung sống với nhau từ năm 2018 đến nay. Bà xác định bà không còn tình cảm và không thể sống chung với ông B được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông B.

Về con chung: Bà và ông B có 01 con chung là Lưu Định B1, sinh ngày 21 tháng 4 năm 2015, hiện đang sống cùng bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai và đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Lưu Ngọc B trình bày: Ông và bà Võ Thị Ngọc S chung sống và đăng ký kết hôn năm 2014 tại Ủy ban nhân dân phường N1, thị xã N. Quá trình chung sống, vợ chồng có nhiều cãi vã do bà S mê chơi cờ bạc gia đình. Ông và bà S đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Nay bà S yêu cầu ly hôn, ông cũng đồng ý vì tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Giữa ông và bà S có 01 con chung là Lưu Định B1, sinh ngày 21 tháng 4 năm 2015. Ông đồng ý giao con chung cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng và ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Không có.

* Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm có:

- Bản chính giấy chứng nhận kết hôn; bản sao giấy khai sinh của Lưu Định B1; bản sao chứng minh nhân dân Võ Thị Ngọc S; bản photo sổ hộ khẩu chủ hộ Lưu Ngọc B; bản tự khai của Võ Thị Ngọc S; Biên bản lấy lời khai ông Lưu Ngọc B; đơn xin xét xử vắng mặt của ông Lưu Ngọc B; biên bản xác minh tình trạng hôn nhân giữa bà Võ Thị Ngọc S với ông Lưu Ngọc B.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ đúng các trình tự, thủ tục và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Mâu thuẫn giữa bà S và ông B đã trầm trọng, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc nhau, không còn sống chung với nhau,

bà S yêu cầu ly hôn, ông B cũng đồng ý, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà S được ly hôn với ông B; về con chung: giao con chung là cháu Lưu Định B1 cho bà S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ông B không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: bà S và ông B không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn ông Lưu Ngọc B, trú tại: Tổ dân phố HT2, phường N1, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Ngọc S và ông Lưu Ngọc B tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường N1, thị xã N cấp giấy chứng nhận kết hôn số 88/2014, quyền số 01/2014 ngày 12/11/2014 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, giữa bà S và ông B phát sinh nhiều mâu thuẫn làm cho tình cảm vợ chồng rạn nứt, không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc nhau và thực tế không còn sống chung với nhau. Nay bà S yêu cầu ly hôn, ông B cũng đồng ý vì xác định không còn tình cảm với bà S và xin xét xử vắng mặt.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà S và ông B đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được, bà Võ Thị Ngọc S yêu cầu ly hôn ông Lưu Ngọc B là phù hợp với khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà S và ông B có 01 con chung là Lưu Định B1, sinh ngày 21 tháng 4 năm 2015. Xét thấy cháu Lưu Định B1 còn nhỏ tuổi và hiện đang sống cùng bà S. Bà S yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, ông B cũng đồng ý giao con chung cho bà S nuôi dưỡng. Do đó để đảm bảo sự phát triển toàn diện và cuộc sống ổn định của cháu B1, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao cháu Lưu Định B1 cho bà S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông B không phải cấp dưỡng nuôi con do bà S không yêu cầu.

Ông B có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết, các bên đương

sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Võ Thị Ngọc S, ông Lưu Ngọc B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Võ Thị Ngọc S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Xét quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Ngọc S được ly hôn ông Lưu Ngọc B.

2. Về con chung: Giao cháu Lưu Định B1, sinh ngày 21 tháng 4 năm 2015 cho bà Võ Thị Ngọc S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Ông Lưu Ngọc B không phải cấp dưỡng nuôi con do bà S không yêu cầu.

Ông B có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Võ Thị Ngọc S, ông Lưu Ngọc B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Võ Thị Ngọc S phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà S đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0008935 ngày 02/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N. Bà S đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Quy định: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã N;
- UBND phường N1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lê Thị Quỳnh Trang